| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 119/2018/HNGĐ-ST<br>Ngày 12-10-2018<br>V/v ly hôn | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Văn Phích

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Bà Nguyễn Thị Linh Chi

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Thúy Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3121/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị A; địa chỉ: Thôn 4, xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Anh B; địa chỉ: 632 E, Hàn Quốc; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai nguyên đơn chị A trình bày:

Chị và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện D, thành phố Hải Phòng vào ngày 13/9/2017. Sau khi kết hôn, anh B ở Việt Nam một thời gian ngắn sau đó quay trở lại Hàn Quốc để làm thủ tục bảo lãnh cho chị sang Hàn Quốc để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, trong thời gian học tiếng tại Việt nam để xuất nhập cảnh thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh B lớn hơn chị nhiều tuổi, cách sống và cách suy nghĩ cũng khác nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không hòa hợp. Chính vì vậy, để tìm cuộc sống riêng cho mình chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung và tài sản chung: Anh chị không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh B thống nhất với lời trình bày của chị A về việc kết hôn, quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung và tài sản chung. Anh cũng đề nghị Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị A vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Bị đơn anh B vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do anh B đang ở nước ngoài không về Việt Nam được nên ủy quyền cho chị A nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Đơn của anh B được hợp pháp hóa lãnh sự và có xác nhận của Bộ Ngoại giao Hàn Quốc.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị A và anh B cùng có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc hôn nhân của anh chị, anh B hiện đang cư trú tại Hàn Quốc, chị A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 4, xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về tố tụng: Anh B là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện D, thành phố Hải Phòng vào ngày 13/9/2017. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị A và anh B đều xác định: Sau khi kết hôn, trong thời gian chị A chờ anh B bảo lãnh cho chị A sang Hàn Quốc để vợ chồng đoàn tụ thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh B lớn hơn chị nhiều tuổi, cách sống và cách suy nghĩ cũng khác nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh chị cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Xét mục đích hôn nhân của hai người không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng, việc thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A và anh B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh B được ly hôn.

2. Về con chung: Anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị A phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, anh Thưởng được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010982 ngày 24 tháng 9 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị A được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B được quyền kháng cáo Bản án 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Linh Chi** **Nguyễn Thị Mai Vinh** **Phạm Văn Phích**